
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

A. CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Bài 1: Bài nhập môn

- Phạm vi, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu của môn học.
- Ý nghĩa và cách tiếp cận môn học.

Bài 2: Nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật

- Nguồn gốc của Nhà nước:
- Nguồn gốc của Pháp luật: cần nhớ

Bài 3: Bản chất, đặc điểm của Nhà nước và pháp luật

- Bản chất, đặc điểm của Nhà nước
- Bản chất, đặc điểm của Pháp luật

Bài 4: Kiểu nhà nước và kiểu pháp luật

- Kiểu nhà nước
 - Khái niệm Kiểu nhà nước
 - Sự thay thế Kiểu nhà nước
 - Các kiểu nhà nước trong lịch sử
- Kiểu pháp luật
 - Khái niệm kiểu pháp luật
 - Sự thay thế các kiểu pháp luật
 - Các kiểu pháp luật trong lịch sử

Bài 5: Hình thức Nhà nước và hình thức pháp luật

- Hình thức của nhà nước
 - Khái niệm Hình thức nhà nước
 - Các yếu tố tạo nên hình thức nhà nước
 - Hình thức NN tồn tại trong các kiểu nhà nước
- Hình thức của pháp luật

- Khái niệm
- Các hình thức pháp luật cơ bản

Bài 6: Nhà nước CHXHCN Việt Nam

- Bản chất, hình thức, kiểu nhà nước CHXHCN Việt Nam
- Chức năng của nhà nước CHXHCNVN
- Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

Bài 7: Hệ thống pháp luật

- Khái niệm Hệ thống pháp luật
- Cấu trúc của hệ thống pháp luật
- Các tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật
- Hệ thống hóa pháp luật

Bài 8: Quy phạm pháp luật

- Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật
- Phân loại quy phạm pháp luật
- Các bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật

Bài 9: Quan hệ pháp luật

- Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật
- Thành phần (cấu trúc) của 1 quan hệ pháp luật
- Căn cứ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật

Bài 10: Thực hiện pháp luật - Áp dụng pháp luật

- Thực hiện pháp luật
 - Khái niệm
 - Các hình thức thực hiện pháp luật
- Áp dụng pháp luật
- Mối quan giữa thực hiện pháp luật với áp dụng pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật khác

Bài 11: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

- Vi phạm pháp luật
- Trách nhiệm pháp lý
- Mối quan giữa Vi phạm pháp luật với Trách nhiệm pháp lý

Bài 12: Ý thức pháp luật, pháp chế XHCN và Cơ chế điều chỉnh pháp luật

- Ý thức pháp luật
- Pháp chế Xã hội Chủ nghĩa
- Cơ chế Điều chỉnh pháp luật

B. B/ CÁCH THỨC ÔN TẬP

Bài 2: Nguồn gốc của Nhà nước và pháp luật

- Nguồn gốc của Nhà nước:
 - *Đọc Giáo trình, trang 27*
 - Nắm được có nhiều quan điểm khác nhau về nguồn gốc nhà nước nhưng theo quan điểm của CN Mác-Lênin thì pháp luật ra đời bởi 2 nguyên nhân là kinh tế và xã hội.
 - Chú ý khái niệm “nhà nước” và hiểu được vì sao nhà nước XHCN được coi là “nửa nhà nước”.

- Chú ý 3 thiết chế tạo nên hệ thống chính trị là Nhà nước, Đảng lãnh đạo, MTTQVN và các tổ chức thành viên. Trong đó, lưu ý rằng theo pháp luật hiện hành, dù không phải là cơ quan nhà nước, không có quyền lực công nhưng trong số các tổ chức thành viên của MTTQVN, các tổ chức CT-XH (MTTQVN, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Hội LHPNVN, Hội Nông dân VN, và Hội Cựu chiến binh VN) vẫn có quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mang tính bắt buộc chung (VD: Cơ quan trung ương của các tổ chức này cùng phối hợp với Chính phủ hoặc UBND địa phương để cùng ban hành các Nghị quyết liên tịch).

Phần này cũng cần lưu ý rằng khi nói đến người đứng đầu nhà nước bộ máy nhà nước (Chủ tịch nước), ta không nên nhầm lẫn với người đứng đầu của các tổ chức CT-XH.

- Nguồn gốc của Pháp luật:
 - *Đọc Giáo trình, trang 37*
 - Cần nhớ:
 - Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, pháp luật có cùng nguyên nhân ra đời, cùng tồn tại, cùng phát triển và cùng tiêu vong với nhà nước.
 - Khái niệm pháp luật, hiểu được tại sao pháp luật là phương tiện quản lý xã hội quan trọng nhất của nhà nước?
 - Pháp luật Xã hội Chủ nghĩa không thể trái đạo đức Xã hội Chủ nghĩa.
 - Chú ý mối quan hệ giữa kinh tế và pháp luật có tính độc lập tương đối. Trong một chừng mực nào đó, kinh tế quyết định pháp luật nhưng ngược lại, pháp luật có thể kiềm hãm hoặc thúc đẩy kinh tế phát triển.

Bài 3: Bản chất, đặc điểm của Nhà nước và pháp luật

- Bản chất, đặc điểm của Nhà nước:

- Đọc *Giáo trình*, tr. 40 (*bản chất của nhà nước*), tr.25 (*đặc điểm của nhà nước*).

Cần nắm được

- Bản chất Nhà nước có tính giai cấp và vai trò xã hội (tính xã hội).
- Đặc điểm của Nhà nước: khái niệm này rộng hơn đặc trưng của nhà nước. Cần nhớ đặc trưng của nhà nước là những dấu hiệu cơ bản, đặc thù để phân biệt được nhà nước với các tổ chức khác, nhớ được 5 đặc trưng cơ bản của nhà nước.

- Bản chất, đặc điểm của Pháp luật:

- Đọc *Giáo trình*, tr.75 (*bản chất của pháp luật*), tr.35 (*đặc điểm của pháp luật*).

Cần nắm được

- Bản chất của pháp luật có tính giai cấp, tính xã hội, tính dân tộc và tính mở.
- Đặc điểm của pháp luật, gồm: tính quy phạm phổ biến, tính hình thức chặt chẽ và tính cưỡng chế nhà nước.

Vì thi đề mở nên SV không cần học thuộc từng thuộc tính nêu trên mà cần hiểu được, cho được các VD đối với từng thuộc tính đó để có thể giải quyết được các câu hỏi đặt ra từ thực tiễn.

Bài 4: Kiểu nhà nước và kiểu pháp luật

Đọc Giáo trình, tr.52 (*kiểu nhà nước*), tr.93 (*kiểu pháp luật*).

- Kiểu nhà nước

Nắm được 4 kiểu nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin trong lịch sử

Lưu ý: Nhà nước pháp quyền XHCN không phải là một kiểu nhà nước tiếp theo sau nhà nước XHCN, một kiểu nhà nước trong thời đại mới mà đó là một học thuyết về nhà nước XHCN.

- Kiểu pháp luật

- Khái niệm kiểu pháp luật.
- Mỗi kiểu pháp luật trong lịch sử đều có những đặc điểm riêng nên không kiểu nào giống kiểu nào.
- Không phải quốc gia nào cũng đều tuần tự trải qua tất cả các kiểu nhà nước cũng như các kiểu pháp luật;

- “Kiểu pháp luật sau tiến bộ hơn kiểu pháp luật trước”. Điều đó thể hiện qua nhiều tiêu chí đánh giá, trong đó có hình thức pháp luật.

Bài 5: Hình thức Nhà nước và hình thức pháp luật

Độc Giáo trình, tr54 (hình thức nhà nước), tr.95 (hình thức pháp luật).

- Hình thức của nhà nước
 - Khái niệm Hình thức nhà nước
 - Năm vững Hình thức chính thể trong các yếu tố tạo nên hình thức nhà nước (chính thể quân chủ, chính thể cộng hòa).
 - Cộng hòa Tổng thống: Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa đứng đầu chính phủ, do dân bầu (VD: Mỹ). Tuy nhiên, Tổng thống Mỹ không phải do tất cả cử tri bầu trực tiếp mà thông qua Đại cử tri đoàn.
 - Cộng hòa đại nghị: Tổng thống do nghị viện bầu ra, có quyền lực hạn chế và không đứng đầu chính phủ. Thông thường, Đảng nào chiếm đa số ghế trong nghị viện sẽ chọn Thủ tướng (VD: Đức, Italia, Áo).

Bài 6: Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Độc Giáo trình, tr209.

- Bản chất, hình thức, kiểu nhà nước CHXHCN Việt Nam
 - Bản chất: Ngoài hai thuộc tính của nhà nước nói chung (tính giai cấp và vai trò xã hội), bản chất nhà nước VN còn có tính nhân dân.
 - Hình thức: Cộng hòa dân chủ nhân dân.
 - Kiểu nhà nước: Xã hội Chủ nghĩa.
- Chức năng của nhà nước CHXHCNVN
 - Phân biệt được chức năng đối nội với chức năng đối ngoại của nhà nước.
- Tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam
 - Theo Hiến pháp và pháp luật hiện hành, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam bao gồm:
 - 4 hệ thống cơ quan (quyền lực, hành chính, xét xử, kiểm sát) và 3 thiết chế hiến định độc lập (Chủ tịch nước, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước).
 - Trong đó, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất; Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất; Viện Kiểm sát nhân dân là cơ quan kiểm sát cao nhất.

Bài 7: Hệ thống pháp luật

Đọc Giáo trình, tr359.

- Khái niệm Hệ thống pháp luật: Cần được hiểu dưới hai góc độ:
 - Về mặt nội dung: hệ thống pháp luật bao gồm nhiều ngành luật;
 - Về mặt hình thức: hệ thống pháp luật bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật.

Vì thế, bất cứ nhận định nào phát biểu về hệ thống pháp luật mà nêu một cách chung chung (không nêu riêng về mặt nội dung hay hình thức) thì cũng cần được phát biểu một cách đầy đủ, tức là bao hàm cả 2 ý trên. Nếu chỉ phát biểu có một ý thì đó là nhận định sai vì phản ánh chưa đầy đủ về hệ thống pháp luật.

- Các tiêu chuẩn đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật
 - Có nhiều tiêu chí nhưng trong đó đa số các học giả đều cho rằng có 4 tiêu chí cơ bản để đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật, đó là: Tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp, trình độ và kỹ thuật lập pháp.

Do vậy, nếu thông qua việc xác định các nguyên tắc, cách sử dụng ngôn ngữ pháp lý trong hoạt động xây dựng pháp luật, hoặc các yếu tố khác thì chưa thể đánh giá được mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật.

* Đọc Giáo trình trang 367-371 để hiểu thêm về 4 tiêu chí trên.

- Hệ thống hóa pháp luật
 - Biểu hiện của việc Hệ thống hóa pháp luật là sự sắp xếp, chỉnh lý, bổ sung nội dung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường tính hệ thống của hệ thống pháp luật.
 - Hoạt động Hệ thống hóa pháp luật có hai hình thức thực hiện là *Tập hợp hóa* và *Pháp điển hóa* pháp luật. Trong đó, chủ thể thực hiện *Tập hợp hóa* là mọi cá nhân, tổ chức, còn *Pháp điển hóa* chỉ do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (có nhiều cơ quan, trong đó có Quốc hội) thực hiện.

* Đọc Giáo trình trang 371-374 để nêu được và hiểu đúng các thuật ngữ *hệ thống hóa pháp luật*, *tập hợp hóa pháp luật* và *pháp điển hóa pháp luật*.

Bài 8: Quy phạm pháp luật (QPPL)

Đọc Giáo trình, tr332.

- Khái niệm, đặc điểm của quy phạm pháp luật
 - Đọc Giáo trình trang 332-337 để hiểu rõ về quy phạm pháp luật.
 - Cần hiểu được quy phạm pháp luật là một quy phạm xã hội nên nó mang đầy đủ đặc điểm của một quy phạm xã hội thông thường; ngoài ra nó còn mang đặc điểm riêng của nó.

Do vậy, những đặc điểm của QPPL chính là điểm riêng khác của nó so với các quy phạm xã hội khác (như: quy phạm đạo đức, tôn giáo, tập quán,...).

- Các bộ phận cấu thành của quy phạm pháp luật

Một quy phạm pháp luật thông thường có 3 bộ phận là giả định, quy định và chế tài. Điều đó có nghĩa là vẫn còn có nhiều QPPL không có đầy đủ 3 bộ phận trên vì có thể nó đã bị ẩn đi hoặc được gửi đi nơi khác.

Bài 9: Quan hệ pháp luật (QHPL)

Đọc Giáo trình, tr375.

- Khái niệm, đặc điểm quan hệ pháp luật
 - Những đặc điểm của QHPL chính là điểm riêng khác của nó so với các quan hệ xã hội thông thường.
 - Khi phân biệt quan hệ pháp luật và các quan hệ xã hội khác, cần phải có những tiêu chí để phân biệt (VD: về Tính giai cấp (tính ý chí của nhà nước); về điều kiện phát sinh, thay đổi, chấm dứt; về Cơ cấu chủ thể; về Quyền và nghĩa vụ của chủ thể,...).
- Thành phần (cấu trúc) của 1 quan hệ pháp luật
 - Bao gồm 3 yếu tố: chủ thể, khách thể và nội dung. Hãy chú ý vì rất dễ bị nhầm lẫn với cấu trúc của một hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm các yếu tố: chủ thể, khách thể, chủ quan và khách quan).
 - Cần chú ý yếu tố chủ thể. Chủ thể trong QHPL có thể là tổ chức, có thể là cá nhân có năng lực chủ thể.

Bài 10: Thực hiện pháp luật Áp dụng pháp luật

Đọc Giáo trình, tr394.

- Thực hiện pháp luật
 - Khái niệm
 - Các hình thức thực hiện pháp luật
- Áp dụng pháp luật
 - Áp dụng pháp luật là một trong các hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt. Bởi lẽ hình thức này có những đặc điểm riêng:
 - + Mang tính tổ chức, thể hiện quyền lực nhà nước.
 - + Có hình thức, thủ tục chặt chẽ - sử dụng *văn bản áp dụng pháp luật*.
 - + Mang tính cá biệt, cụ thể.

+ Có tính sáng tạo.

Ngoài ra, sự đặc biệt đó còn thể hiện qua các trường hợp cần áp dụng pháp luật và các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật.

- Trong phần này, cần lưu ý so sánh văn bản áp dụng pháp luật với các văn bản quy phạm pháp luật.

- Mỗi quan giữa thực hiện pháp luật với áp dụng pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật khác

Bài 11: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

- Đọc *Giáo trình trang 424-427* (Vi phạm pháp luật), tr.438-450 (trách nhiệm pháp lý)

- Vi phạm pháp luật

- Nắm được khái niệm “vi phạm pháp luật”; đặc điểm và các yếu tố cấu thành của nó.
Cần lưu ý:

+ Hành vi bị coi là vi phạm pháp luật chỉ khi nó hội đủ các đặc điểm của một hành vi vi phạm pháp luật (hành vi được thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan, trái pháp luật, có lỗi, chủ thể đủ năng lực gánh chịu trách nhiệm, xâm phạm đến các quan hệ xã hội đang được pháp luật bảo vệ).

Do vậy, khi phát biểu “vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật”, cần hiểu rằng ý của câu là “hành vi vi phạm pháp luật nhất định đó phải là hành vi trái pháp luật”, tức là phát biểu này đúng. Tuy nhiên, ngược lại, nếu nói “hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật” thì câu này chưa hẳn đúng, vì cho dù đó là hành vi trái pháp luật nhưng không có lỗi, hoặc chủ thể không đủ năng lực gánh chịu, hoặc không xâm phạm đến các quan hệ xã hội đang được pháp luật bảo vệ thì nó vẫn không phải là hành vi vi phạm pháp luật.

+ Hành vi trái pháp luật phải được thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan dưới dạng hành động hoặc không hành động, tức là không còn trong ý tưởng, trong suy nghĩ của chủ thể.

+ Lỗi trong hành vi vi phạm pháp luật được thể hiện dưới dạng lỗi cố ý trực tiếp hoặc gián tiếp; lỗi vô ý do cẩu thả hoặc do quá tự tin. Tuy nhiên, cũng có trường hợp do lỗi hỗn hợp (có cả vô ý và cố ý).

- Nếu muốn xác định một hành vi nào đó có đủ yếu tố cấu thành một hành vi vi phạm pháp luật hay chưa thì cần phải phân tích các dữ kiện xảy ra xem từng yếu tố và đối chiếu với 4 yếu tố cấu thành của hành vi vi phạm pháp luật (xem *Giáo trình trang 432-435*). Nếu thỏa mãn 4 yếu tố này thì kết luận đó là hành vi vi phạm pháp luật.

- Chủ thể vi phạm pháp luật có thể là tổ chức, có thể là cá nhân có năng lực chủ thể. Trong đó, nếu là hành vi vi phạm pháp luật hình sự (phạm tội) thì chủ thể thực hiện chỉ có thể là cá nhân có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

- Trách nhiệm pháp lý

- Nắm được khái niệm “trách nhiệm pháp lý” và lưu ý:

Đây là một mối quan hệ pháp luật đặc biệt vì nó được hình thành trên cơ sở quy phạm pháp luật mang tính bắt buộc; một bên chủ thể của quan hệ này là nhà nước; và đây là một mối quan hệ bất bình đẳng. Do vậy, chỉ có nhà nước mới có thẩm quyền buộc một người chịu trách nhiệm pháp lý khi họ vi phạm pháp luật.

Bài 12: Ý thức pháp luật, pháp chế XHCN và Cơ chế điều chỉnh pháp luật

- Ý thức pháp luật

Đọc Giáo trình trang 454.

- Cần hiểu được Ý thức pháp luật là một khái niệm rất rộng. Do vậy, khi đứng trước một tình huống nào đó được gọi là “thể hiện ý thức pháp luật” thì phải hiểu rằng trong đó thể hiện cả mặt tốt lẫn mặt xấu. Tùy vào tình huống mà phân tích để hiểu ý thức pháp luật ở đây là xấu (là coi thường pháp luật, thể hiện sự đánh giá về tính không hợp pháp trong hành vi của con người cũng như trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, xuất hiện hiện đại) hay là tốt (thể hiện tinh thần chấp hành pháp luật, thể hiện sự đánh giá về tính hợp pháp trong hành vi của con người cũng như trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội).

Tóm lại là không nên hiểu cụm từ “thể hiện ý thức pháp luật” theo nghĩa quá hẹp – tức là sự thể hiện đó lúc nào cũng là thể hiện tốt.

- Pháp chế Xã hội Chủ nghĩa

Đọc Giáo trình trang 473.

- Nắm vững khái niệm “pháp chế”;

- Hiểu được “tăng cường pháp chế Xã hội Chủ nghĩa” là tăng cái gì? Có những một số biện pháp cơ bản nào? Việc làm đó cần thiết như thế nào? do ai thực hiện? (nêu các chủ thể, trong đó có Nhà nước);

- Phân biệt được pháp chế và pháp luật là hai phạm trù khác nhau nhưng có liên quan với nhau.

- Cơ chế Điều chỉnh pháp luật

Đọc Giáo trình trang 500

Cần hiểu được khái niệm và phân biệt được sự khác nhau của hoạt động *điều chỉnh pháp luật* với *cơ chế điều chỉnh pháp luật*.

C. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA HẾT MÔN

1. Hình thức kiểm tra và kết cấu đề

Đề kiểm tra bao gồm các phần

- Phần 1 (4 điểm): 4 Câu hỏi Nhận định đúng hay sai, Giải thích ngắn gọn
- Phần 2 (3 điểm): 1 hoặc 2 Câu hỏi lý thuyết (dạng câu hỏi kiểm tra lý thuyết).
- Phần 3 (3 điểm): 1 Bài tập tình huống

Bài tập tình huống áp dụng pháp luật là một tình huống giả định (hoặc có thật đã xảy ra) liên quan trực tiếp đến nội dung ôn tập môn học. Bài tập nhằm đánh giá người học khả năng phân tích, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các câu hỏi đặt ra của tình huống. Bài tập gồm một số câu hỏi nhỏ.

2. Hướng dẫn cách làm bài

- Trước hết phải tìm yêu cầu của bài, gạch dưới và đọc thật kỹ để làm đúng và vừa đủ theo yêu cầu của bài. Làm thừa so với yêu cầu sẽ không được tính điểm.
- Không cần làm bài theo thứ tự. Câu dễ làm trước.
- Bài viết trình bày theo hiểu biết của mình, có lập luận, có phân tích, không chép nguyên văn từ sách vào, nếu chép sẽ không được tính điểm.
- Tuyệt đối không chép bài của người khác để tránh trường hợp hàng loạt bài làm bị sai giống nhau. Đây là điều mà Giảng viên tối kỵ khi chấm điểm. Nếu có phát hiện có nhiều bài làm được chép của nhau, Giảng viên sẽ không chấm điểm phần bị chép đó.
- Trình bày rõ ràng, tách bạch các câu bằng một dòng bỏ trống ở giữa. Ý bắt đầu câu phải lùi vào để dễ nhìn, dễ tìm ý.

• Đối với phần 1

- Đề yêu cầu chọn ĐÚNG hay SAI và giải thích nên câu trả lời đầu tiên phải là “Nhận định này Đúng” hoặc “Nhận định này Sai”. Không để xảy ra tình trạng bài làm viết từ đầu đến cuối rất dài mà không nêu được nhận định đó đúng hay sai.
- Sau đó là phần giải thích. Việc giải thích phải logic với chữ Đúng hoặc Sai đã chọn ở trên. Tránh trường hợp chọn “Đúng” nhưng giải thích theo hướng “Sai”.
- Giải thích xong phải kết luận lại vì nhiều khi bài làm không logic với nhau, giải thích vốn đã rời rạc còn không kết lại vấn đề nên điểm không cao.

• Đối với phần 2

- Đây là một câu hỏi lý thuyết (3 điểm), thường ở dạng giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, phân biệt, ít có dạng “hãy trình bày” để tránh trường hợp chép nguyên văn từ giáo trình.

- Yêu cầu bài làm phải sâu sắc, phải biết phân tích, tổng hợp, có thể viện dẫn thực tiễn vào để minh họa thêm; không viết qua loa ít dòng nhưng cũng không mở sách ra chép đại thật nhiều một nội dung nào đó không liên quan, vô nghĩa.

- Đối với câu yêu cầu so sánh hoặc phân biệt thì phải dùng các tiêu chí để so sánh/phân biệt. So sánh thì phải nêu được điểm giống và khác nhau, còn phân biệt thì chỉ cần nêu những điểm khác nhau là đủ.

- **Đối với phần 3**

- Bài tập tình huống cần phải đọc kỹ đề, xem đề hỏi mấy câu nhỏ? Trong mỗi câu đó có mấy vế?,... để trả lời hết, không được bỏ sót vế nào của câu.

- Câu trả lời cần được phân tích, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các câu hỏi đặt ra của tình huống, không viết theo kiểu suy nghĩ tự phát như khi chưa học môn này. Đây là điều mà rất nhiều sinh viên mắc phải.

D. ĐỀ THI MẪU VÀ ĐÁP ÁN

ĐỀ THI MẪU

- **Phần 1 - Mỗi nhận định sau đây đúng hay sai, giải thích ngắn gọn (4 điểm):**

- **Câu 1:** Nguyên nhân duy nhất dẫn đến sự ra đời của nhà nước là do sự xuất hiện của chế độ tư hữu và xã hội phân chia giai cấp.

- **Câu 2:** Xác định hiệu lực theo thời gian là một trong các cách xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật.

- **Câu 3:** Khoa Kinh tế và Luật của trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh là một chủ thể có tư cách pháp nhân.

- **Câu 4:** Trong một xã hội mà các quy phạm cấm đoán được quy định càng cụ thể thì dân chủ càng bị hạn chế..

- **Phần 2- Câu hỏi lý thuyết (3 điểm):**

Hãy phân biệt sự khác nhau giữa lỗi cố ý gián tiếp và lỗi vô ý vì quá tự tin.

- **Phần 3- Bài tập tình huống (3 điểm):**

Cô giáo V, giáo viên một trường mầm non đã dùng miếng băng keo dài 15 cm, rộng 4 cm bịt miệng bé T. để bé khỏi khóc. Sau khoảng 2 phút bị dán miệng, bé T. bị tím tái cả người nên cô V. gọi mẹ bé lên và đưa đi cấp cứu nhưng sau một thời gian được cứu chữa, bé T. đã tử vong.

- a. Hãy xác định lỗi của cô giáo V?
- b. Hãy phân tích lỗi của cô giáo V trong trường hợp trên?

ĐÁP ÁN:

Phần 1: Cần ngắn gọn nhưng rõ ràng, ví dụ:

Câu	Đáp án	Số điểm
1	* Trả lời được “Nhận định Sai”	0.25
	* Giải thích:	0.75
	Trong đó:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Theo Lý luận về nhà nước, có rất nhiều quan điểm nghiên cứu về nguyên nhân ra đời của nhà nước mà tựu trung lại, có hai luồng quan điểm. Nhận định trên là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, còn các quan điểm khác không kết luận như vậy. - Nêu được ý chính của các quan điểm phi Mac-xit (để chứng minh “các quan điểm khác không kết luận như vậy”). - Kết luận lại câu sai chỗ nào 	0.25 0.25
2	* Trả lời được “Nhận định Đúng”	0.25
	* Giải thích:	0.75
	Trong đó:	0.5
	<ul style="list-style-type: none"> + Nêu được 3 cách xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; + Chỉ ra được cách xác định hiệu lực theo thời gian là một trong số đó. + Kết luận: đây là câu đúng 	0.25
3	* Trả lời được “Nhận định Sai”	0.25
	* Giải thích:	0.75
	Trong đó:	
	<ul style="list-style-type: none"> + Trích (hoặc nêu nội dung) Điều 84 BLDS 2005 để cho thấy muốn trở thành một pháp nhân phải hội đủ các điều kiện do pháp luật quy định, cụ thể là điều kiện nào. + Khoa Kinh tế và Luật không có tư cách pháp nhân vì không hội đủ 	0.25 0.25
		0.25

Câu	Đáp án	Số điểm
	các điều kiện do pháp luật quy định (thiếu điều kiện nào); - Kết luận câu sai chỗ nào	
4	* Trả lời được “Nhận định Sai”	0.25
	* Giải thích: Trong đó: - Vì quy phạm cấm đoán càng cụ thể càng đảm bảo được dân chủ trong đời sống xã hội. - Nêu được một VD minh họa	0.75 0.5 0.25

Phần 2: Cần ngắn gọn nhưng rõ ràng, ví dụ:

TT	Đáp án	Số điểm	Ghi chú
1	- Nêu khái niệm: Lỗi cố ý gián tiếp; Lỗi vô ý vì quá tự tin	0.5	
2	- Về Lý trí: nêu được mức độ nhận thức đối với hành vi và hậu quả của mỗi dạng lỗi.	1	
3	- Về Ý chí: + Lỗi cố ý gián tiếp: không mong muốn nhưng bỏ mặc hậu quả xảy ra + Lỗi vô ý vì quá tự tin: tin hậu quả không xảy ra hoặc ngăn ngừa được hậu quả xảy ra.	1	
4	- Có ý lập luận tốt, hoặc có Kết luận lại những điểm khác trên, hoặc nêu được VD minh họa để rõ thêm.	0.5	

Phần 3:

Bài tập hình huống, đáp án ngắn gọn nhưng rõ ràng, ví dụ:

TT	Đáp án	Số điểm	Ghi chú
1	Câu hỏi 1:	1	
	- Lỗi của cô giáo V: Lỗi vô ý vì cầu thả		
2	Câu hỏi 2:	2	

TT	Đáp án	Số điểm	Ghi chú
	<p>- Phân tích: Cô giáo V + không nhận thức được hành vi dán miệng của bé T khi đang khóc là hành vi nguy hiểm; + không nhận thức trước được hậu quả nguy hiểm cho tính mạng của bé T mà hành vi đó có thể gây ra; + có nghĩa vụ phải thấy trước hậu quả nguy hiểm do hành vi dán miệng bé T của mình gây ra (nghĩa vụ phát sinh do quy tắc nghề nghiệp); + đồng thời với trình độ, chuyên môn năng lực của một cô giáo cô có thể thấy trước hậu quả đó.</p>	<p>0.5 0.5 0.5 0.5</p>	

.....**HẾT**.....